



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm hóa học và phòng thí nghiệm vật lý
Laboratory: Chemical laboratory and physical laboratory

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Thép Tungho Việt Nam
Organization: Tungho Vietnam Steel Co., Ltd

Số hiệu/ Code: VILAS 1276

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ, Hóa
Field: Mechanical, Chemical

Người quản lý/ Laboratory
manager: Huang Shih Jung

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 20/01/2031

Địa chỉ/Address: Khu công nghiệp Phú Mỹ II, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Phú Mỹ II industrial zone, Phu My ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

Địa điểm/ Location: Khu công nghiệp Phú Mỹ II, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Phú Mỹ II industrial zone, Phu My ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

Điện thoại/ Tel: (84) 254 3924461
(84) 329465268

Email: A0621@tunghosteel.com

Website: <http://www.thsvc.com.vn>

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1276

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu kim loại <i>Metallic material</i>	Thử kéo - Xác định giới hạn chảy - Độ bền kéo - Độ giãn dài <i>Tensile test</i> - <i>Determination of Yield strength</i> - <i>Determination of tensile strength</i> - <i>Determination of elongation</i>	$F_{\max} = 2\,000\text{ kN}$	TCVN 197-1:2014 GB/T 228.1:2021 ASTM A370-24a CNS 2111 G2013:2019 CNS 2112 G2014:2017 JIS Z2241:2022 & AMENDMENT 1:2023 KS B0802:2003 (Confirmed in 2023) KS B0801:2007 (Confirmed in 2022) AS 1391:2020
2.		Thử uốn <i>Bend test</i>		TCVN 198:2008 GB/T 232:2010 ASTM E290-22 CNS 3940 G2033:1999 CNS 3941 G2034:2019 KS B0804:2001 (Confirmed in 2021) JIS Z2248:2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1276

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
3.	Thép cốt bê tông <i>Reinforcement steel bar</i>	Thử kéo - Xác định giới hạn chảy - Độ bền kéo - Độ giãn dài <i>Tensile test</i> - <i>Determination of Yield strength</i> - <i>Determination of tensile strength</i> - <i>Determination of elongation</i>	$F_{\max} = 2\,000\text{ kN}$	TCVN 7937-1:2013 TCVN 197-1:2014 ISO 15630-1:2019 GB/T 228.1:2021 ASTM A370-24a CNS 2111 G2013:2019 CNS 2112 G2014:2017 JIS Z2241:2022 & AMENDMENT 1:2023 KS B0802:2003 (Confirmed in 2023) KS B0801:2007 (Confirmed in 2022) AS 1391:2020
4.		Thử uốn <i>Bend test</i>		TCVN 7937-1:2013 TCVN 198:2008 GB/T 232:2010 ASTM E290-22 CNS 3940 G2033:1999 KS B0804:2001 (Confirmed in 2021) JIS Z2248:2022

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1276****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>		Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép hợp kim thấp <i>Low alloy steel</i>	Phân tích thành phần hóa học các nguyên tố: C, Si, Mn, P, S, Ni, Cu, Cr, Mo, V. Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Analysis of chemical composition elements: C, Si, Mn, P, S, Ni, Cu, Cr, Mo, V.</i> <i>Emission spectroscopy method</i>	C	(0,05 ~ 0,75) %	TCVN 8998:2018 ASTM E415-21 GB/T 4336:2016 CNS 10006 G2167:2024 JIS G1253:2002 KS D1652:2022
			Si	(0,05 ~ 1,0) %	
			Mn	(0,2 ~ 2,0) %	
			P	(0,01 ~ 0,07) %	
			S	(0,008 ~ 0,055) %	
			Cu	(0,02 ~ 0,5) %	
			Ni	(0,05 ~ 5,0) %	
			Cr	(0,1 ~ 1,2) %	
			Mo	(0,01 ~ 0,9) %	
			V	(0,01 ~ 0,30) %	

Chú thích/ Note:

- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- GB: Tiêu chuẩn Trung quốc/ *China National Standards*
- ASTM: Hiệp hội Thử nghiệm và vật liệu Mỹ/ *American Society for Testing and Materials*
- CNS: Tiêu chuẩn Đài Loan/ *Chinese National Standard*
- JIS: Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản/ *Japanese Industrial Standard*
- KS: Tiêu chuẩn Hàn Quốc/ *Korean Industrial Standard*
- AS: Tiêu chuẩn Úc/ *Australian Standard*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*

Trường hợp Công ty TNHH Thép Tungho Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Thép Tungho Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Tungho Vietnam Steel Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*